TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B** **TỈNH BẮC KẠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2019/HS-ST
Ngày: 08-5-2019.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH BẮC KẠN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Hoàng Anh Tuấn.**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông: **Hoàng Thăng Bắc.**

Ông: **Nguyễn Xuân Huyên.**

- *Thư ký phiên toà:* Bà **Cao Thị Hải Yến** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên toà:* Bà **Hứa Thị Hồng Tươi** - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 05/2019/TLST-HS, ngày 12 tháng 4 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2019/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 4 năm 2019 đối với bị cáo:

Bàn Văn Ng (tên gọi khác Bàn Thanh H), sinh ngày: 15/5/1990 tại huyện P, tỉnh Bắc Kạn. Nơi ĐKHKTT và nơi ở hiện nay: Thôn N, xã Q, huyện B, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: trồng trọt; trình độ văn hoá: 6/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bàn Quầy L và bà Bàn Mùi L; Vợ: Đặng Thị Nh và có 01 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt; Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú của Tòa án nhân dân huyện B. Có mặt.

- *Bị hại:* Anh **Nông Văn L**, sinh ngày 13/5/1988. Nơi cư trú: Thôn N, xã Q, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

- *Người bào chữa của bị cáo:* Ông **Sầm Văn K** - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Anh **Dương Xuân D**, sinh năm 1984. Nơi cư trú: Thôn Ch, xã Q, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt.

- *Người làm chứng:* Bà **Tô Thị B**, sinh năm 1955. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 03/12/2018 anh Nông Văn L đi chăn trâu về nhà tìm điện thoại Oppo A37FW của mình để trên giường nhưng không thấy đâu. Sau đó anh L có hỏi bà Tô Thị B (mẹ đẻ anh L) thì được biết buổi trưa có Bàn Văn Ng đến ngủ tại giường của anh L. Xác định chiếc điện thoại di động đã bị mất và nghi ngờ Ng lấy trộm nên anh L đã trình báo các cơ quan chức năng để giải quyết.

Sau khi nhận được tin báo, Công an xã Q đã tiến hành xác minh, lập biên bản sự việc Bàn Văn Ng có hành vi lấy trộm 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A37FW màu đen đã qua sử dụng của anh Nông Văn L và bàn giao toàn bộ vụ việc cho Đồn công an H xử lý. Xác định chiếc điện thoại đó Bàn Văn Ng đã mua bán trao đổi để lấy 01 chiếc điện thoại khác ở cửa hàng điện thoại do anh Dương Xuân D làm chủ ở thôn Ch, xã Q, huyện B; Công an đồn H đã tiến hành xác minh và lập biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu liên quan đến vụ việc gồm có: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A37FW vỏ màu đen màn hình cảm ứng đã qua sử dụng, 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Zopo Zp618 vỏ màu đen màn hình cảm ứng đã qua sử dụng, 01 giấy chứng minh nhân dân số 095179447 cấp ngày 26/02/2009, 01 sim viettel có số thuê bao 0335109410 đã qua sử dụng. Đồng thời công an đồn H báo cáo và bàn giao toàn bộ hồ sơ, tài liệu, vật chứng của vụ việc cho công an huyện B.

Tại Cơ quan điều tra Công an huyện B Bàn Văn Ng khai nhận: Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 03/12/2018, Bàn Văn Ng vào nhà bạn là anh Nông Văn L ở thôn N, xã Q, huyện B, khi đó chỉ có bố mẹ của L ở nhà. Do đã uống rượu nên Ng lên giường của L ngủ, đến khoảng hơn 13 giờ cùng ngày thì Ng tỉnh dậy. Khi đó Ng nhìn thấy chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A37FW màu đen để trên giường, quan sát không thấy ai ở trong nhà nên Ng nảy sinh ý định trộm cắp. Ng cầm chiếc điện thoại bỏ vào túi quần rồi đi đến cửa hàng điện thoại của anh Dương Xuân D ở thôn Ch, xã Q, huyện B bán. Anh D xem chiếc điện thoại và trả giá là 1.000.000 đồng, vì thấy anh D trả giá rẻ nên Ng bảo anh D muốn đổi chiếc điện thoại này để lấy chiếc điện thoại di động mới và anh D đồng ý đổi cho Ng chiếc điện thoại mới nhãn hiệu Zopo ZP618 màu đen trị giá 1.700.000 đồng. Ng đổi chiếc điện thoại Oppo A37FW mà Ng đã lấy trộm của L và phải các thêm cho anh D số tiền là 700.000 đồng nhưng do chưa có tiền trả anh D ngay nên Ng để lại Giấy chứng minh nhân của Ng để làm tin rồi về nhà. Ngoài ra, Ng còn mua của anh D 01 sim điện thoại Viettel có số thuê bao 0335109410.

Ngày 12/12/2018, Cơ quan điều tra Công an huyện B đã yêu cầu định giá tài sản là chiếc điện thoại Oppo A37FW mà Bàn Văn Ng đã lấy trộm của Nông Văn L tại thời điểm ngày 03/12/2018.

Tại Kết luận định giá tài sản số 03/KL-HDĐGTSTTHS ngày 10 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B đã kết luận: Một chiếc điện thoại Oppo A37FW tại thời điểm chiếc điện thoại bị mất (ngày 03/12/2018) có giá trị là 3.200.000đ *(Ba triệu hai trăm nghìn đồng)*.

Với hành vi trên, bản Cáo trạng số 05/CT-VKSBB ngày 11/4/2019 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn đã truy tố Bàn Văn Ng về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu.

Sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, tại phiên toà đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn vẫn giữ nguyên quyết định truy tố Bàn Văn Ng về tội *"Trộm cắp tài sản"* và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự đề nghị xử phạt bị cáo từ 06 tháng tù đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 12 tháng đến 24 tháng.

- Về Hình phạt bổ sung: Bị cáo thuộc hộ nghèo nên đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Về án phí: Bị cáo thuộc hộ nghèo và có đơn xin miễn án phí nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí cho bị cáo theo quy định.

- Về vật chứng: Tại giai đoạn điều tra, truy tố đã trả lại cho bị cáo, bị hại theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo nhất trí với tội danh và mức hình phạt mà Kiểm sát viên đã đề nghị trong bản luận tội.

Trong phần tranh luận người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 65 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo; bị cáo, bị hại không có ý kiến tranh luận. Lời nói sau cùng bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và xin Hội đồng xét xử cho hưởng án treo.

Bị hại đã lấy lại được tài sản của mình và không có yêu cầu bồi thường gì thêm, tại phiên tòa bị hại đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại với số tiền là 1.700.000đ *(Một triệu bảy trăm nghìn đồng)* và không yêu cầu bồi thường gì thêm và bị cáo đã bồi thường đủ số tiền là 1.700.000đ *(Một triệu bảy trăm nghìn đồng)* cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra huyện Bể, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; quyết

định tố tụng được ban hành đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử những người tham gia tố tụng không ai khiếu nại về quyết định, hành vi của Cơ quan, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng vắng mặt. Tuy nhiên, họ đã có đầy đủ lời khai tại cơ quan điều tra, việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử. Căn cứ vào khoản 1 Điều 292, khoản 1 Điều 293 của Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[2] Về căn cứ định tội, định khung hình phạt:

Lời khai nhận tội của bị cáo Bàn Văn Ng tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra, biên bản tiếp nhận nguồn tin về tội phạm, biên bản sự việc, biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường và bản ảnh hiện trường; biên bản thu giữ vật chứng; biên bản định giá tài sản và Kết luận của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Ba Bể ngày 10/01/2019, lời khai của những người tham gia tố tụng và các tài liệu chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo Bàn Văn Ng phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*. Tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017:

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm…".

Hành vi phạm tội của bị cáo không những xâm phạm đến quyền sở hữu đối với tài sản của người khác là khách thể được pháp luật hình sự Việt Nam bảo vệ mà còn làm mất trật tự trị an tại địa phương, gây lo lắng cho quần chúng nhân dân trong việc quản lý tài sản. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Bị cáo lợi dụng sự sơ hở của anh Nông Văn L trong việc quản lý, bảo vệ tài sản để trộm cắp chiếc điện thoại Oppo A37FW của anh L. Tài sản bị cáo đã trộm cắp theo biên bản định giá và Kết luận của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B ngày 10/01/2019 có giá là 3.200.000^{đ} *(Ba triệu hai trăm nghìn đồng)*, do đó Viện kiểm sát nhân dân huyện B đã căn cứ vào khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự để truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Cần xử lý bị cáo với mức án tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra để giáo dục bị cáo nói riêng và phòng ngừa chung.

[3] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:

- Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đó là: *"tự nguyện bồi thường"*, *"phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiệm trọng"*, *"Thành khẩn khai báo"* là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm Hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn nhận thức xã hội và pháp luật còn hạn chế; tại phiên tòa bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nên cần áp dụng là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo.

Căn cứ vào tính chất mức độ của hành vi phạm tội của bị cáo, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân của bị cáo, bị cáo có nơi cư trú ổn định, rõ ràng, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà xử phạt bị cáo hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo là phù hợp với quy định tại Điều 65 của Bộ luật hình sự, như vậy cũng đủ để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội, thể hiện được tính nhân đạo và lượng khoan hồng của pháp luật Nhà nước ta.

[4] Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Song xét thấy bị cáo thuộc đối tượng hộ nghèo nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại được tài sản, không còn yêu cầu nào khác, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã nhận đầy đủ số tiền bị cáo bồi thường thiệt hại là 1.700.000^{đ} *(Một triệu bảy trăm nghìn đồng)* và không yêu cầu bồi thường thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về vật chứng: Quá trình điều tra, truy tố Cơ quan điều tra công an huyện B, Viện kiểm sát nhân dân huyện B đã trả lại tài sản, đồ vật cho những người tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về vấn đề khác: Trong vụ án này, có anh Dương Xuân D là người đã mua bán trao đổi chiếc điện thoại với bị cáo nhưng anh D không biết chiếc điện thoại này là do bị cáo trộm cắp mà có nên không có căn cứ để xử lý.

[8] Về án phí: Bị cáo thuộc hộ nghèo và có đơn xin miễn án phí nên Hội đồng xét xử miễn án phí cho bị cáo theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Tuyên bố bị cáo Bàn Văn Ng phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*.

2. Xử phạt: Bị cáo Bàn Văn Ng 06 *(Sáu)* tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 *(Mười hai)* tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Bàn Văn Ng cho Ủy ban nhân dân xã Q, huyện B, tỉnh Bắc Kạn giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

"Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo".

3. Về án phí: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Bàn Văn Ng.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Kạn;(1)
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;(1)
- VKSND huyện B (2);
- Bị cáo; (1)
- Bị hại; (1)
- Người có QL,NVLQ;(1)
- Chi cục THADS huyện B;(1)
- Công an huyện B;(2)
- Sở tư pháp tỉnh Bắc Kạn;(1)
- THAHS; (1)
- Lưu hồ sơ vụ án; (1)
- Lưu Văn phòng. (1)

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Anh Tuấn